

CÁC BIỆN PHÁP PHÁT HUY TÍNH SÁNG TẠO TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

TS. ĐẶNG THỊ VÂN - ThS. NGUYỄN HUỲNH THƯƠNG
 Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

1. Đặt vấn đề

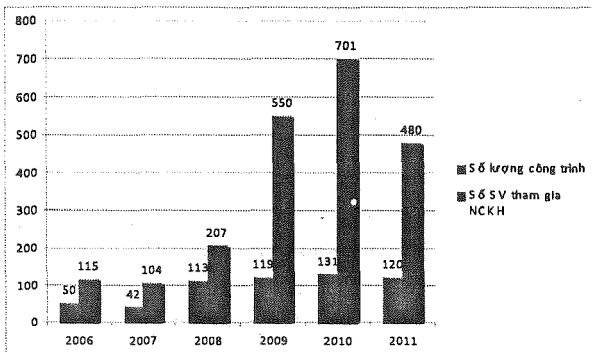
Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một hình thức giáo dục ở đại học, một khâu quan trọng trong quá trình học tập của sinh viên, là nhân tố tiến bộ xã hội phản ánh vào trong trường đại học trong thời kì cách mạng khoa học kĩ thuật. Sinh viên tốt nghiệp đại học phải được trang bị về các mặt lí luận, khoa học và thực tiễn. Chính hoạt động NCKH sẽ tạo ra những bước đi ban đầu để sinh viên tiếp cận với những vấn đề mà khoa học và cuộc sống đang đặt ra, gắn lí luận với thực tiễn; những ý tưởng, sáng kiến nghề nghiệp được hình thành và phát huy ngay trong những công trình nghiên cứu của sinh viên cho dù đó là những sáng kiến nhỏ. Tuy nhiên, thực tế nhiều sinh viên trong đó có sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội chưa hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của NCKH; chưa chủ động, tích cực tham gia nghiên cứu; kết quả các công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên còn nhiều hạn chế, chưa có nhiều sáng tạo.

Bài viết đề cập đến thực trạng NCKH của sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội trong thời gian gần đây, tìm hiểu mục đích sinh viên tham gia NCKH, những nguyên nhân cơ bản cản trở tính sáng tạo trong NCKH của họ.

Khách thể tham gia nghiên cứu là 312 sinh viên tham gia NCKH cấp trường trong năm 2012.

2. Thực trạng công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Biểu đồ 1: Số lượng công trình nghiên cứu khoa học của SV trong những năm gần đây



Hoạt động NCKH của sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội khởi sắc từ năm 1999, ban đầu các đề tài nghiên cứu của sinh viên được thực hiện chủ yếu

ở một số ngành đào tạo chính như: Nông học, Thú y, Tài nguyên môi trường... Tuy nhiên, 5 năm trở lại đây, cùng với các nghiên cứu của các nhà khoa học và giảng viên trong trường, sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học trên cả hai phương diện là: (1) Tham gia trong các chương trình khoa học công nghệ của giảng viên, (2) Độc lập thực hiện các công trình NCKH dưới sự tư vấn, hướng dẫn của các nhà khoa học, giảng viên.

Trong vài năm trở lại đây, số lượng công trình và số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học đã được tăng lên đáng kể (xem biểu đồ 1); đặc biệt là từ năm 2008 đến nay số lượng công trình mỗi năm đã tăng lên gấp 2 lần so với năm 2006 và năm 2007, cũng đồng nghĩa với việc gia tăng số lượng sinh viên tham gia NCKH. Các công trình NCKH của sinh viên được các khoa chuyên môn đánh giá, nghiệm thu với kết quả như sau: 45% số công trình đạt loại tốt, 48% đạt loại khá và 7% đạt loại trung bình. Như vậy, kết quả thống kê cho thấy phần lớn các công trình NCKH của sinh viên được đánh giá ở mức tốt và khá, mức trung bình chiếm tỉ lệ nhỏ. Kết quả này cũng được phản ánh rõ nét hơn qua kết quả tham gia giải thưởng sinh viên NCKH các cấp (bảng 1).

Bảng 1: Kết quả tham dự giải thưởng sáng tạo kĩ thuật VIFOTEC

Năm	Số công trình dự thi	Số công trình đạt giải			
		Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích
2006	10	1	1	1	7
2007	14	0	3	1	10
2008	11	1	1	3	5
2009	14	1	1	1	7
2010	8	0	0	1	5
2011	6	1	0	0	2
Tổng cộng	73	3	6	6	52

Qua số liệu ở bảng 1 cho chúng ta thấy, những công trình tham dự giải thưởng sáng tạo VIFOTEC là những công trình có chất lượng tốt, đạt giải cao cấp trường. Đây là những công trình không chỉ nghiên cứu các vấn đề ứng dụng thực tiễn mà sinh viên còn thể hiện tính sáng tạo trong cách triển khai từ khâu lựa chọn vấn đề nghiên cứu, phương pháp, các tiếp cận. Tuy nhiên, số lượng công trình tham dự giải

thường chưa nhiều so với tổng số đề tài được thực hiện trong năm, số lượng công trình đạt giải cao chưa thực sự nổi bật. Trong khi đó, những ngành nghề được đào tạo tại trường là những ngành nghề mang tính ứng dụng cao, vì vậy sinh viên có nhiều cơ hội để phát huy tính sáng tạo trong học tập, đặc biệt là trong NCKH. Tuy nhiên, phần lớn các công trình NCKH của sinh viên chưa có nhiều giá trị, đặc biệt là giá trị xã hội. Sinh viên thực hiện công trình còn thụ động, lệ thuộc vào hướng dẫn của giảng viên. Mục đích NCKH của sinh viên trong quan niệm của nhiều cán bộ hướng dẫn cũng như bản thân sinh viên là tập dượt kỹ năng nghiên cứu.

Qua thống kê số lượng công trình và kết quả nghiệm thu, kết quả tham dự giải thưởng sáng tạo kỹ thuật VIFOTEC của sinh viên các trường đại học, chúng tôi nhận thấy: Công tác NCKH của sinh viên đã và đang được nhà trường quan tâm hơn trước đây, những thành tích trong NCKH rất đáng khen ngợi, đặc biệt là những công trình đạt giải cao. Kết quả đó đã góp phần khẳng định thương hiệu của nhà trường. Nhưng số công trình NCKH của sinh viên thực hiện mỗi năm so với tổng số sinh viên toàn trường (đến thời điểm 2012, số sinh viên trong trường là hơn 19.000 sinh viên) thì vẫn là một con số khiêm tốn. Hay nói một cách khác, phong trào sinh viên tham gia NCKH chưa thực sự lớn mạnh, số sinh viên chủ động, tích cực hưởng ứng tham gia phong trào này còn hạn chế. Năm 2012 có 312/19.083 sinh viên tham gia NCKH cấp trường với 81 công trình nghiên cứu. Chúng tôi cho rằng cần tìm ra nguyên nhân chính của thực trạng này để nhà trường có những chiến lược, giải pháp lâu dài đẩy mạnh hoạt động NCKH của sinh viên cũng như phát huy tính sáng tạo của họ trong hoạt động rất có ý nghĩa này.

3. Mục đích nghiên cứu khoa học của sinh viên trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Bảng 2: Mục đích nghiên cứu khoa học của sinh viên (số khách thể là 312)

Những biểu hiện	Số lượng khách thể	Tỉ lệ %	Thứ bậc
Rèn luyện kỹ năng, phương pháp nghiên cứu	310	99,4	1
Muốn khám phá cái mới	295	94,6	2
Muốn thử nghiệm, tập dượt ý tưởng sáng tạo của bản thân	287	92,0	3
Rất yêu thích hoạt động NCKH	269	86,2	4
Muốn đóng góp cho sự phát triển ngành nghề	243	77,9	5
Tò mò muốn biết thế nào là NCKH	216	69,2	6

Muốn khẳng định bản thân trước thầy cô và bạn bè	126	41,0	7
Cộng điểm rèn luyện	119	38,1	8
Muốn có thêm thu nhập để trang trải việc học tập	59	18,9	9

Số liệu bảng 2 cho chúng ta thấy, sinh viên tham gia NCKH xuất phát từ rất nhiều động cơ khác nhau, cả động cơ có giá trị cá nhân lẫn động cơ có giá trị xã hội. Tham gia NCKH để rèn luyện kỹ năng, phương pháp nghiên cứu là mục đích của hầu hết sinh viên trong diện điều tra (chiếm 99,4%). Một nữ sinh viên khóa 54 khoa Nông học chia sẻ: *"Được tham gia NCKH giúp em rèn kỹ năng nghiên cứu, phương pháp đặt vấn đề, giải quyết vấn đề tốt hơn. Vì thế, trong quá trình làm luận văn tốt nghiệp em chủ động hơn so với các bạn không làm nghiên cứu khoa học."* Mục đích này không chỉ được sinh viên xác định rõ ràng mà còn là yêu cầu của giảng viên hướng dẫn. Tuy nhiên, đây không phải là mục tiêu duy nhất và chính yếu nhất trong NCKH nói chung, NCKH của sinh viên nói riêng. 94,6% số sinh viên cho biết họ tham gia NCKH với mục đích *khám phá cái mới; muốn thử nghiệm, tập dượt ý tưởng sáng tạo của bản thân* (92,0%). Đây có thể xem là những mục đích chính giúp sinh viên bộc lộ và phát huy sáng tạo trong NCKH. Xuất phát từ những động cơ này, nếu giảng viên có phương pháp hướng dẫn sinh viên theo hướng mở, khích lệ và động viên sinh viên kịp thời sẽ góp phần không nhỏ trong quá trình phát huy tính chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu của họ. Những mục đích khác như tham gia NCKH để *đóng góp cho sự phát triển ngành nghề hay thể hiện sự tò mò* với hoạt động này cũng xuất hiện ở khá nhiều sinh viên với tỉ lệ % lần lượt là 77,9 và 69,2. Tuy nhiên, cũng không ít sinh viên tham gia NCKH để có thêm thu nhập trang trải cuộc sống hay để được cộng điểm rèn luyện. Mặc dù những mục đích này không phải là mục đích tiêu cực nhưng không nên quá đề cao chúng.

Như vậy, sinh viên tham gia NCKH xuất phát từ những mục đích tích cực, vừa có giá trị cá nhân vừa có giá trị xã hội, trong đó mục đích có giá trị cá nhân chiếm ưu thế hơn.

4. Những nguyên nhân cản trở tính sáng tạo của sinh viên trong nghiên cứu khoa học

Số liệu bảng 3 cho thấy, hầu hết sinh viên đều cho rằng tính sáng tạo trong NCKH của họ chưa được phát huy, thậm chí bị cản trở xuất phát từ nhiều nguyên nhân cả chủ quan và khách quan. Nguyên nhân mà nhiều sinh viên đề cập nhất là nguồn kinh phí phục vụ cho quá trình thực hiện các công trình nghiên cứu của họ điểm trung bình (ĐTB) là 3,79. Thực tế, nguồn kinh phí hạn hẹp là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc hạn chế số công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên, gây khó khăn trong quá trình nghiên

cứ, đặc biệt đối với những công trình có thực nghiệm cần chi phí mua mẫu vật, dụng cụ... Nguyên nhân thứ hai, cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu lạc hậu, không đầy đủ (ĐTB 3,56). Đây là hai nguyên nhân khách quan nổi bật nhất ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình NCKH của sinh viên, cũng như hạn chế tính sáng tạo của họ. Bên cạnh đó, giảng viên yêu cầu chưa cao, ít quan tâm, khích lệ sáng kiến của sinh viên cũng là những nguyên nhân chưa khơi dậy niềm yêu thích và sáng tạo của họ trong học tập nói chung, NCKH nói riêng.

Bảng 3: Những nguyên nhân cản trở sáng tạo của sinh viên trong NCKH

Các nguyên nhân	ĐTB	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
Nguồn kinh phí phục vụ cho nghiên cứu hạn hẹp	3,79	1,01	1
Cơ sở vật chất (thiết bị thí nghiệm, thực nghiệm phục vụ nghiên cứu lạc hậu, thiếu,...)	3,56	0,92	2
Mục đích hướng dẫn của GV là rèn kĩ năng nghiên cứu cho SV là chính	3,29	0,98	3
Tinh thần chủ động trong NCKH của SV chưa cao	3,14	0,94	4
SV thiếu hứng thú, đam mê NCKH	2,87	1,09	5
Yêu cầu của GV đối với SV trong NCKH chưa cao (ví dụ: làm theo hướng dẫn, theo mẫu của các đề tài cũ,...)	2,30	0,91	6
GV chưa quan tâm khích lệ sáng kiến trong NCKH của SV	2,17	1,01	7
GV chưa có phương pháp hướng dẫn phù hợp	2,15	1,09	8

(Ghi chú: Điểm thấp nhất là 1, điểm cao nhất là 5 theo các mức độ tương ứng: Hoàn toàn không đúng, phần lớn là không đúng, nửa đúng nửa sai, phần lớn là đúng, hoàn toàn đúng; ĐTB càng cao cản trở tính sáng tạo càng rõ nét theo đánh giá của sinh viên)

Nguyên nhân chủ quan nổi bật là tính chủ động trong NCKH của sinh viên chưa cao (ĐTB 3,14). Điều đó có nghĩa, trong quá trình nghiên cứu sinh viên còn phụ thuộc vào sự hướng dẫn của giảng viên, chưa chủ động lên kế hoạch nghiên cứu cũng như mạnh dạn đề xuất những ý tưởng, phương pháp triển khai. Ngoài ra, thiếu đam mê NCKH cũng là nguyên nhân cản trở tính sáng tạo của họ được không ít sinh viên khẳng định (ĐTB 2,87).

Như vậy, có nhiều nguyên nhân cản trở tính sáng tạo NCKH của sinh viên, trong đó nguyên nhân khách quan theo đánh giá của sinh viên là nguyên nhân nổi trội nhất.

5. Đề xuất một số giải pháp khắc phục

Xuất phát từ những nguyên nhân cản trở tính sáng tạo của sinh viên trong NCKH do bản thân họ nhìn nhận, đánh giá qua thực tế triển khai các công trình khoa học những năm gần đây, sinh viên đưa ra những đề xuất về giải pháp phát huy tính sáng tạo trong NCKH như sau:

- Cẩn tăng cường nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu là ý kiến của hầu hết sinh viên (91,6%);

- Nâng cấp các phòng thí nghiệm, đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại (78,5%). Thực tế cho thấy, những công trình sinh viên NCKH ở Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội những năm gần đây với nguồn kinh phí dao động từ 2 - 4 triệu đồng/1 đề tài, sinh viên cũng gặp không ít khó khăn trong nghiên cứu thực tiễn nên đa số đề tài chỉ điều tra thực trạng;

- Việc tìm kiếm, phát hiện cái mới cần phải tổ chức quy trình thực nghiệm và thực hiện công phu, tốn nhiều công sức, kinh phí. Sinh viên chủ yếu giành thời gian cho học tập, việc phân phối thời gian học và nghiên cứu chưa hợp lí, kinh phí thực hiện đề tài hạn hẹp nên sinh viên chọn giải pháp an toàn là tiến hành đề tài sao cho tiết kiệm chi phí nhất. Cũng vì lí do đó mà những ý tưởng sáng tạo của sinh viên khó được trải nghiệm qua thực tế nghiên cứu. Bên cạnh đó, nhiều dụng cụ, thiết bị máy móc lạc hậu, thiếu những thiết bị hiện đại cũng hạn chế tính sáng tạo của sinh viên;

- Việc tổ chức Câu lạc bộ Khoa học và các hoạt động đa dạng dưới nhiều hình thức như tìm kiếm ý tưởng sáng tạo trong từng môn học, phương pháp học tập, nghiên cứu,... huy động tất cả sinh viên tham gia cũng là đề xuất thú vị của phần lớn sinh viên (71,9%);

- Ngoài ra, nhà trường, các khoa chuyên môn cần tổ chức đa dạng tuần lễ khoa học, tháng khoa học, các cuộc thi tìm kiếm tài năng sáng tạo để tạo bầu không khí khoa học mang tính rộng khắp sẽ khích lệ niềm yêu thích, say mê của sinh viên trong NCKH cũng như kích thích trí tò mò, khao khát sáng tạo của họ. Cần tổ chức lễ tuyên dương đối với những sinh viên có thành tích cao trong NCKH một cách long trọng và tiến thưởng xứng đáng.

6. Kết luận

Chính hoạt động NCKH sẽ tạo ra những bước đi ban đầu để sinh viên tiếp cận với những vấn đề mà khoa học và cuộc sống đang đặt ra, gắn lí luận với thực tiễn; những ý tưởng, sáng kiến nghề nghiệp được hình thành và phát huy ngay trong những công trình nghiên cứu của sinh viên cho dù đó là những sáng kiến nhỏ. Những năm gần đây, số lượng và số công trình NCKH của sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội đã và đang tăng lên đáng kể. Với những khó khăn

đã nêu trên và việc đề xuất một số giải pháp khắc phục hi vọng trong tương lai gần sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội sẽ tham gia tích cực hơn nữa trong công tác NCKH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Vân, *Nhận thức của sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp I về hoạt động nghiên cứu khoa học*, Tạp chí Khoa học kỹ thuật nông nghiệp, tập IV, số 1, tr. 80 - 85, 2006.
2. Đặng Thị Vân, *Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp I và những khó khăn thường gặp*, Tạp chí Tâm lý học, số 3, tr.55 - 59, 2006.
3. *Báo cáo tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên giai đoạn 2006 - 2011*, Phòng Khoa học Công nghệ - Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, 2011.

SUMMARY

The article has reflected the size of research works and the number of students participating in science research in Hanoi University of Agriculture which both have increased significantly in recent years. However, compared to the size of research works conducted by the entire university, the science research activities among students still remain small. Due to limited funding and backward research equipment and the absence of motivation among students in science research, they are yet to experience new ideas or discover new things in research practices. Deriving from this main reason, the author has proposed some solutions aimed at promoting creativity in science research among students, hence increasing the number of students participating in this exercise.

HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH... (Tiếp theo trang 43)

- Sinh viên cần dành nhiều thời gian cho việc đọc thêm tài liệu, tích cực trao đổi với bạn bè, với giáo viên về TTHCM.

4.2.2. Một số khuyến nghị về phía giáo viên

- Cần cải tiến công tác giảng dạy phát huy tính chủ động của sinh viên trong quá trình học tập, tăng cường các biện pháp dạy học phát huy tính chủ động của sinh viên như: thảo luận, viết bài thu hoạch,... về TTHCM;
- Giáo viên cần tổ chức các buổi thảo luận về các nội dung của TTHCM, trên cơ sở đó phát huy được tính tự giác, nâng cao khả năng tự học của sinh viên;
- Giáo viên cần có phương pháp giảng dạy hấp dẫn, có nhiều hình ảnh minh họa, liên hệ với thực tiễn. Có nhiều ví dụ sinh động, thể hiện sự sáng tạo của TTHCM trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

4.2.3. Một số khuyến nghị về phía nhà trường

- Nhà trường cần có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giảng dạy chuyên môn môn TTHCM;
- Nhà trường cần kết hợp chặt chẽ với Khoa Giáo dục Chính trị trong công tác giáo dục tư tưởng đạo đức cho sinh viên;
- Trang bị tốt hơn phương tiện giảng dạy và học tập, bổ sung nguồn tài liệu về TTHCM;
- Hằng năm nhà trường nên tổ chức các buổi chiếu phim tài liệu, phim tư liệu, phim điện ảnh, kịch,... về Hồ Chí Minh vào ngày kỉ niệm sinh nhật Người;
- Tổ chức cho sinh viên đi tham quan thực tế những nơi Bác Hồ đã sống và làm việc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. V.V. Bôgôxlôxki, *Tâm lý học đại cương*, NXB Giáo dục, 1973.

2. A.V. Pêtrôvski (Chủ biên), *Tâm lý học đại cương*, NXB Giáo dục, Moscow, 1976.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, 2001.
4. Phạm Minh Hạc (Chủ biên), Lê Khanh, Trần Trọng Thủy, *Tâm lý học*, NXB Giáo dục, 1989.
5. A.V. Daparôgiét, *Tâm lý học*, NXB Giáo dục, 1974.
6. Phạm Quang Nghi, *Đào tạo cán bộ và vấn đề giáo dục chính trị - tư tưởng*, NXB Tuyên huấn, 1988
7. Lê Đức Ngọc, *Giáo dục đại học - Phương pháp dạy và học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
8. Phan Trọng Ngo, *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm, 2005
9. Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.

SUMMARY

Deriving from the reality that students of Hanoi Pedagogical University 2 have yet to do well on the Ho Chi Minh Ideology Subject partly due to their lack of learning interest in this subject, the author has explored the actual status of learning interest among students in the Ho Chi Minh Ideology Subject. In particular, the author has conducted a survey of more than 400 students and 4 teachers currently teaching the subject, 6 homeroom teachers in classes with subjects on the following contents: student awareness, learning dynamics, student emotions, student actions and the extent of learning interest among students in the Ho Chi Minh Ideology Subject. Based on survey findings, the author has presented some conclusions and recommendations for addressing this actual status